

# ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP VỤ MÙA 1996 Ở CÁC TỈNH MIỀN BẮC

**KS. Nguyễn Thị Hồng Minh**

Trung tâm nghiên cứu Khí tượng nông nghiệp  
Viện Khí tượng Thủy văn

Vụ mùa năm 1996, miền Bắc sản xuất lúa trong điều kiện thời tiết có nhiều khó khăn. Suốt trong cả vụ liên tiếp gặp mưa lớn do ảnh hưởng của các cơn bão làm ngập úng nhiều diện tích lúa ở các tỉnh. Mặt khác do mưa nhiều, độ ẩm cao nên sâu bệnh phát sinh, phát triển mạnh, số diện tích lúa bị sâu phá hại lớn hơn vụ mùa năm trước.

Theo đánh giá sơ bộ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, vụ mùa năm 1996 là năm mất mùa. Năng suất hầu hết các tỉnh miền Bắc đều thấp hơn năng suất vụ mùa năm trước đáng kể.

## I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VỤ MÙA NĂM 1996

### 1. Hiện tượng thời tiết đặc biệt

#### a. Không khí lạnh

Cả vụ chịu ảnh hưởng trực tiếp của 3 đợt không khí lạnh. Đợt không khí lạnh tràn về ngày 7-X đã gây ra mưa vừa đến mưa to và hạ thấp nhiệt độ ở nhiều nơi thuộc Bắc Bộ.

#### b. Nắng nóng

Trong cả vụ đã xảy ra một số ngày nắng nóng ở một vài nơi thuộc Bắc Bộ và hầu hết các nơi thuộc Trung Bộ.

Nhiệt độ cao nhất thuộc khu vực từ Thanh Hóa đến Quảng Trị đạt từ 38-40°C xảy ra vào tháng VII.

#### c. Bão và áp thấp nhiệt đới

Trong cả vụ miền Bắc chịu ảnh hưởng của 6 cơn bão và 2 áp thấp nhiệt đới. Trong đó các cơn bão số 2 (FRANKIE 9607), cơn bão số 4 (NIKI 9613) và cơn bão số 6 (WILLIE) gây thiệt hại khá nghiêm trọng đối với sản xuất nông nghiệp. Mưa to gió lớn ở những vùng bão đi qua đã gây ngập úng lúa và hoa màu với một diện tích khá lớn. Nhiều diện tích gieo cấy bị mất trắng do không tiêu nước kịp.

### 2. Tình hình nhiệt độ

Hầu hết các nơi, nền nhiệt độ các tháng trong vụ xấp xỉ trung bình nhiều năm (TBNN), tháng cuối vụ nền nhiệt độ cao hơn TBNN, nhưng không đáng kể (bảng 2).

Tổng tích nhiệt cả vụ từ 4161- 4296°C (xấp xỉ so với TBNN).

Nhiệt độ cao nhất 39,9°C, xảy ra ngày 16-VII tại Tĩnh Gia (Thanh Hóa).

Nhiệt độ thấp nhất  $9,5^{\circ}\text{C}$ , xảy ra ngày 27- X tại Sa Pa (Lào Cai).

### 3. Tình hình mưa

Tổng lượng mưa cả vụ dao động từ 1072 đến 1529mm. Lượng mưa lớn chủ yếu tập trung vào những tháng chịu ảnh hưởng của bão.

Ở vùng núi phía Bắc, lượng mưa cả vụ chênh lệch so với TBNN không lớn. Vùng trung du Bắc Bộ lượng mưa thấp hơn TBNN 68mm. Vùng đồng bằng và Bắc Trung Bộ lượng mưa cao hơn TBNN 23-193mm.

Trong tháng VIII, do ảnh hưởng của áp thấp nhiệt đới và tiếp theo sau là cơn bão số 4 nên hầu hết các nơi thuộc Bắc Bộ và Thanh Hóa có lượng mưa tháng cao hơn TBNN từ 11 đến 333mm. Nơi có lượng mưa tháng cao nhất là Mai Châu (Hòa Bình): 864mm, cao hơn TBNN tới 520 mm.

Sang tháng IX, lượng mưa các tỉnh miền núi phía Bắc và trung du Bắc Bộ thấp hơn TBNN từ 91- 122mm, nhưng các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ lượng mưa đều cao hơn TBNN. Nơi có lượng mưa tháng lớn nhất là Hương Khê (Hà Tĩnh): 1383mm, cao hơn TBNN 840mm. Những nơi có lượng mưa tháng cao hơn TBNN một cách đáng kể là do ảnh hưởng mưa lớn của cơn bão số 6 gây ra.

### 4. Tình hình nắng

Cả vụ có từ 746 - 919 giờ nắng. Trung bình mỗi ngày có từ 5-6 giờ nắng. Vùng núi phía Bắc và trung du Bắc Bộ, số giờ nắng cả vụ cao hơn TBNN. Vùng đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ số giờ nắng cả vụ thấp hơn TBNN (bảng 1).

Trong các tháng giữa vụ hầu hết các nơi số giờ nắng tháng đều thấp hơn TBNN.

Bảng 1. Các yếu tố khí tượng trong vụ mùa 1996

| Yếu tố<br>Trạm              | Tổng tích nhiệt              |             |                 | Tổng lượng mưa  |             |                 | Tổng số giờ nắng |             |                 |
|-----------------------------|------------------------------|-------------|-----------------|-----------------|-------------|-----------------|------------------|-------------|-----------------|
|                             | $\Sigma t(^{\circ}\text{C})$ | so với TBNN | so với vụ trước | $\Sigma R$ (mm) | so với TBNN | so với vụ trước | $\Sigma S$ (giờ) | so với TBNN | so với vụ trước |
| 1. V. Núi phía Bắc T. Quang | 4161                         | +61         | +110            | 1172            | +4          | -479            | 807              | +75         | +10             |
| 2. V. Trung du và ĐBB. Bộ:  |                              |             |                 |                 |             |                 |                  |             |                 |
| Bắc Giang                   | 4265                         | +49         | -15             | 1071            | -68         | -335            | 870              | +100        | -41             |
| Thái Bình                   | 4174                         | -33         | x               | 1366            | +23         | x               | 746              | -194        | x               |
| Nam Định                    | 4262                         | 0           | -18             | 1328            | +38         | +436            | 789              | -146        | +26             |
| 3. V. ĐB Bắc Trung Bộ       |                              |             |                 |                 |             |                 |                  |             |                 |
| Thanh Hóa                   | 4235                         | +43         | -27             | 1529            | +193        | +454            | 919              | +11         | +75             |
| Vĩnh                        | 4296                         | +52         | +25             | 1480            | +136        | +164            | 811              | -35         | -65             |

**Bảng 2. Chuẩn sai một số yếu tố  
khí tượng tháng trong vụ mùa 1996**

| Tháng<br>Yếu tố<br>Trạm          | VI         |            |            | VII        |            |            | VIII       |            |            |
|----------------------------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|
|                                  | $\Delta T$ | $\Delta R$ | $\Delta S$ | $\Delta T$ | $\Delta R$ | $\Delta S$ | $\Delta T$ | $\Delta R$ | $\Delta S$ |
| <b>1. V. núi phía Bắc</b>        |            |            |            |            |            |            |            |            |            |
| Lai Châu                         | +0,3       | -214       | -6         | -3         | +132       | -69        | -0,1       | +333       | -24        |
| Tuyên Quang                      | +0,3       | +204       | +17        | +0,5       | +60        | -53        | 00         | -20        | -34        |
| <b>2. V. Trung du và ĐBB. Bộ</b> |            |            |            |            |            |            |            |            |            |
| Bắc Giang                        | +0,1       | -82        | +1         | +0,1       | +83        | -46        | -0,1       | +170       | -41        |
| Thái Bình                        | -0,3       | -76        | +38        | -0,1       | +97        | -29        | -0,2       | -13        | -22        |
| Nam Định                         | +0,1       | -71        | +24        | +0,3       | +116       | -102       | 00         | +11        | -22        |
| <b>3. V. Đồng bằng</b>           |            |            |            |            |            |            |            |            |            |
| Bắc Trung Bộ                     |            |            |            |            |            |            |            |            |            |
| Thanh hóa                        | 00         | -124       | +36        | +0,5       | +136       | +1         | +0,1       | +172       | 14         |
| Vinh                             | +0,3       | -85        | +13        | +0,7       | +19        | +14        | +0,1       | -27        | -21        |

( Tiếp theo)

| Tháng<br>Yếu tố<br>Trạm         | IX         |            |            | X          |            |            |
|---------------------------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|
|                                 | $\Delta T$ | $\Delta R$ | $\Delta S$ | $\Delta T$ | $\Delta R$ | $\Delta S$ |
| <b>1. V núi phía Bắc</b>        |            |            |            |            |            |            |
| Lai Châu                        | +0,5       | -91        | +2         | +0,4       | -14        | +11        |
| Tuyên Quang                     | +0,5       | -112       | -12        | +1,0       | -80        | +22        |
| <b>2.V. Trung du và ĐBB. Bộ</b> |            |            |            |            |            |            |
| Bắc Giang                       | +0,4       | -122       | -29        | +1,1       | -73        | +14        |
| Thái Bình                       | -0,7       | +149       | -33        | +0,2       | -134       | 0          |
| Nam Định                        | -0,7       | +24        | -36        | +0,3       | -43        | -10        |
| <b>3.V. ĐB</b>                  |            |            |            |            |            |            |
| Bắc Trung Bộ                    |            |            |            |            |            |            |
| Thanh Hóa                       | +0,2       | +136       | -32        | +0,6       | -119       | -8         |
| Vinh                            | -0,1       | +291       | -24        | +0,7       | -61        | -27        |

## II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN THỜI TIẾT ĐẾN SINH TRƯỞNG, PHÁT TRIỂN VÀ HÌNH THÀNH NĂNG SUẤT LÚA

### 1. Thời kỳ mạ

Các tỉnh miền Bắc mạ gieo tập trung vào tháng VI. Năng khá, số giờ nắng chủ yếu tập trung vào nửa đầu tháng vì vậy khâu làm đất, gieo mạ rất

thuận lợi. Hầu hết các nơi nền nhiệt độ thời kỳ này xấp xỉ TBNN, vùng núi phía Bắc từ 20-25°C, vùng đồng bằng, trung du Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ từ 28-29°C.

Lượng mưa biến động theo không gian, nhưng nhìn chung các tỉnh lượng mưa thấp hơn TBNN. Đặc biệt ở các khu vực ven biển từ Thanh Hóa trở vào, lượng thiếu hụt so với TBNN khá lớn. Riêng vùng núi phía Bắc, ở một số tỉnh lượng mưa cao hơn TBNN từ 196 đến 281mm. Lượng mưa tháng cao nhất là Thái Nguyên: 635mm, cao hơn TBNN 281mm.

Tuy lượng mưa nhiều nơi thấp hơn TBNN, nhưng số ngày mưa rải đều theo thời gian, nắng khá và nền nhiệt độ thích hợp nên thuận lợi cho mạ sinh trưởng và phát triển. Mạ gieo sau từ 3-5 ngày đã mọc mầm phổ biến, xấp xỉ thời gian cùng kỳ vụ trước. Vùng đồng bằng Bắc Bộ một số trà lúa gieo vào cuối tháng trừ ở một số chân ruộng cao bị thiếu nước, song diện tích bị khô hạn không lớn. Các trà mạ gieo sớm phát triển khá, đánh dánh và cây mập, sâu bệnh ít, một số nơi thời kỳ này xuất hiện bọ xít đen cắn lá và thân, song tác hại không lớn. Các trà lúa gieo muộn (cuối tháng VI) không thuận lợi bằng các trà gieo sớm, thời kỳ mạ 5-7 lá và chuẩn bị cấy do ảnh hưởng của cơn bão số 2 đổ bộ vào hạ tuần tháng VIII đã làm một số diện tích mạ bị ngập úng, số diện tích còn lại mạ bị tước xơ đầu lá, tăng trưởng chậm.

## *2. Thời kỳ phát triển dinh dưỡng*

Lúa mùa sớm ở hầu hết các tỉnh được cấy vào cuối tháng VI, lúa chính vụ cấy trong tháng VII. Thời kỳ cấy nền nhiệt độ ở các tỉnh vùng núi phía Bắc từ 20-26°C, ở các tỉnh đồng bằng trung du Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ từ 28-30°C, xấp xỉ nền nhiệt độ TBNN. Lượng mưa khá và số ngày mưa phân bố tương đối đều trong tháng nên việc làm đất chuẩn bị ruộng cấy thuận lợi. Lúa cấy bén rễ hồi xanh sau 3-6 ngày. Tuy nhiên thời kỳ này ở hầu hết các tỉnh miền Bắc số giờ nắng đều thấp hơn TBNN. Đặc biệt một số tỉnh miền núi như Lai Châu, Hà Giang nắng rất ít, chỉ đạt 50% so với TBNN. Lúa cấy xuống sinh trưởng, phát triển không thuận lợi bằng cùng kỳ vụ trước.

Cuối tháng VII, do ảnh hưởng của cơn bão số 2 nên một số diện tích lúa đang ở thời kỳ bén rễ hồi xanh và một số ít diện tích ở vùng trung du đang bắt đầu vào kỳ đẻ nhánh bị ngập úng. Theo số liệu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, vùng đồng bằng trung du Bắc Bộ có 207.000 ha lúa bị ngập úng do ảnh hưởng của các đợt mưa lớn kèm theo cơn bão số 2 này.

Tuy việc tiêu nước cứu lúa ở những vùng bão đi qua tiến hành rất khẩn trương, nhưng số diện tích phải cấy lại vẫn lên tới 2000ha.

Riêng ở Nghệ An suốt 2 tuần đầu tháng VII không mưa, tình trạng thiếu nước gây hạn ở các chân ruộng cao và vùng không chủ động được nguồn nước tưới. Nhờ đợt mưa (do ảnh hưởng của bão số 2) từ ngày 22 đến 25-VII với lượng mưa từ 10- 428mm đã giải quyết được tình trạng khô hạn.

Tháng VIII là tháng lúa vào kỳ bén rễ hồi xanh - đẻ nhánh, các trà lúa gieo sớm đã vào thời kỳ mọc đóng. Trong tháng nền nhiệt độ các nơi xấp xỉ TBNN (khoảng  $20-28^{\circ}\text{C}$  ở vùng núi, trung du Bắc Bộ và từ  $27-29^{\circ}\text{C}$  ở vùng đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ). Lượng mưa hầu hết các tỉnh vùng núi phía Bắc và Thanh Hóa cao hơn TBNN từ 11-333mm, các nơi khác thấp hơn. Số giờ nắng thấp hơn TBNN một ít. Thời tiết nhìn chung thuận lợi cho cây sinh trưởng và phát triển, tốc độ đẻ nhánh cao, độ cao cây tăng nhanh. Vào cuối tháng VIII do ảnh hưởng của bão số 4 với các đợt mưa to đến rất to trên một vùng rộng lớn ở đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ đã gây thiệt hại nghiêm trọng đối với sản xuất nông nghiệp đặc biệt là với các tỉnh Nam Hà, Thái Bình, Ninh Bình, Thanh Hóa. Các đợt lúa mới hồi phục sinh trưởng sau cơn bão số 2 lại bị ngập úng do bão số 4 gây ra. Tỷ lệ cây chết khá nhiều, số còn lại nhánh đẻ giảm hẳn, có những chân ruộng trũng lúa chết gần hết, phải bỏ đi hoàn toàn.

### 3. Thời kỳ phát triển sinh thực

Đây là thời kỳ phát triển quan trọng của cây lúa. Các trà lúa gieo sớm trở bông - nở hoa vào đầu tháng IX, trà chính vụ vào giữa và cuối tháng. Nền nhiệt độ trung bình thời kỳ này ở vùng núi phía Bắc từ  $21-27^{\circ}\text{C}$ , vùng trung du, đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ từ  $26-28^{\circ}\text{C}$ . Lượng mưa vùng đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ lớn hơn TBNN với số ngày mưa từ 18-20 ngày, các nơi khác lượng mưa thấp hơn TBNN, riêng phía tây Bắc Bộ lượng mưa chỉ đạt 40% TBNN. Số giờ nắng ở hầu hết các tỉnh thấp hơn TBNN từ 12-36 giờ (trung bình mỗi ngày có từ 4-6 giờ nắng). Phần lớn các trà lúa trở bông thuận lợi. Riêng các tỉnh Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An thời kỳ lúa trở bông - nở hoa phổ biến gặp cơn bão số 6 gây mưa to gió lớn nên không thuận lợi ở một số chân ruộng trũng tuy việc tiêu nước cứu lúa đã được tiến hành khẩn trương song vẫn bị ngập úng. Theo thống kê của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các tỉnh Bắc Trung Bộ do ảnh hưởng của bão số 6, mưa to làm 60 ngàn hecta lúa hè thu và lúa mùa bị ngập.

Mặt khác, thời kỳ này do có mưa lớn kéo dài ngày, độ ẩm tăng, ít nắng nên các vùng bị ảnh hưởng của bão sâu bệnh phát sinh, phát triển mạnh. Diện tích bị sâu bệnh hại gấp 2 lần cùng kỳ vụ trước.

Thời kỳ lúa vào giai đoạn chắc xanh và chín, nhìn chung các tỉnh thời tiết thuận lợi. Về cơ bản, lúa được thu hoạch nhanh gọn trong tháng XI, thời tiết khô ráo, tỷ lệ rơi vãi thấp.

### 4. Tình hình năng suất

Theo đánh giá bước đầu của Sở nông nghiệp các tỉnh, năng suất lúa vụ mùa 1996 ở các tỉnh miền Bắc đều thấp hơn vụ trước (bảng 3). Nơi có năng suất thấp so với vụ trước nhiều nhất là Lai Châu, năng suất chỉ bằng 49%. Ninh Bình và Thanh Hóa năng suất cũng chỉ bằng 56% vụ mùa năm trước.

Bảng 3. Năng suất sơ bộ của lúa trong vụ mùa 1996 ( tạ/ha) và so sánh với năng suất vụ mùa 1995

| Tỉnh                                        | Yếu tố | Năng suất vụ 1996 | Chênh lệch so với vụ 1995 | Tốc độ tăng trưởng so với vụ 1995(%) |
|---------------------------------------------|--------|-------------------|---------------------------|--------------------------------------|
| <b>1. Vùng núi Đông Bắc</b>                 |        |                   |                           |                                      |
| Lạng Sơn                                    |        | 28                | -4                        | 87                                   |
| <b>2. Vùng núi Tây Bắc</b>                  |        |                   |                           |                                      |
| Lai Châu                                    |        | 18                | -19                       | 49                                   |
| <b>3. Vùng đồng bằng và trung du Bắc bộ</b> |        |                   |                           |                                      |
| Hà Bắc                                      |        | 28                | -3                        | 90                                   |
| Hà Tây                                      |        | 36                | -8                        | 82                                   |
| Thái Bình                                   |        | 52                | -3,8                      | 93                                   |
| Hải Dương                                   |        | 40                | -9,5                      | 82                                   |
| Ninh Bình                                   |        | 23                | -18                       | 56                                   |
| Nam Hà                                      |        | 35                | -11                       | 76                                   |
| <b>4. Vùng đồng bằng Bắc Trung Bộ</b>       |        |                   |                           |                                      |
| Thanh Hóa                                   |        | 18                | -14                       | 56                                   |
| Nghệ An                                     |        | 17                | -4                        | 81                                   |

### III. KẾT LUẬN

Vụ mùa 1996 miền Bắc sản xuất lúa trong điều kiện thời tiết gặp nhiều khó khăn. Tuy điều kiện nhiệt và ánh sáng từng thời kỳ trong vụ tương đối thuận lợi cho cây sinh trưởng, phát triển và hình thành năng suất nhưng đây lại là một vụ sản xuất liên tiếp gặp bão lụt suốt từ đầu đến cuối vụ. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cũng như Sở nông nghiệp các tỉnh đã có chỉ đạo khẩn trương trong việc tiêu úng cứu lúa, cấy lại các diện tích mạ bị ngập hại v.v... song do bão lụt liên tiếp nên cây hồi phục sinh trưởng kém, nhiều diện tích bị mất trắng, năng suất và sản lượng lúa ở các tỉnh đều thấp, đặc biệt là các tỉnh Ninh Bình, Lai Châu, Thanh Hóa năng suất chỉ bằng 49-56% năng suất vụ mùa năm 1995.

#### Tài liệu tham khảo

1. Các báo biểu khí tượng nông nghiệp các tháng VI, VII, VIII, IX, X của các Trạm Khí tượng nông nghiệp.
2. Tập san Khoa học kỹ thuật Tổng cục Khí tượng Thủy văn các số 6 (426), 7 (427), 8 (428), 9 (429), 10 (430).
3. Các thông báo Khí tượng nông nghiệp hàng tháng các số 6. 1996, 7. 1996, 8. 1996, 9. 1996, 10. 1996.
4. Các tiến độ sản xuất nông nghiệp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ra 10 ngày 1 kỳ.